BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÀN KHÓA HỌC KHÓA K25HP-QTC NĂM 2019 - 2023

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (HP)

	Thông tin sinh viên				ĐẠI CƯƠNG																																							
					Phương Pháp (Học Tập)					Công Nghệ Thông Tin		Khoa Học Tự Nhiên		Khoa Học Xã Hội										Triết Học & Chính Trị					Ngoại Ngữ (Chọn 12 trong 16)															
					PHI 100	(Chọn 1 trong 2)		(Chọn 1 trong 2)		CS 101	CS 201	Toán Học		(Chọn 1 trong 3)			(Chọn 2 trong 5)					Hướng Nghiệp		HIS 362	PHI 150	POS 151	POS 351	POS 361	ENG 116	ENG 117	ENG 118	ENG 119	ENG 166	ENG 167	ENG 168	ENG 169	ENG 216	ENG 217	ENG 218	ENG 219	ENG 266	ENG 267	ENG 268	ENG 269
						COM 101	COM 141	COM 102	COM 142			MTH 101	MTH 102	DTE 201	LAW 201	MED 268	AHI 391	AHI 392	EVR 205	HIS 221	HIS 222	DTE-BA 102	DTE-BA 152																					
STT	Mã sinh viên	Họ	Tên Lót	Tên	2	2	1	2	1	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
DIỆN SV VỚT ĐK THAM GIA KHÓA LUẬN TN																																												
1	25612317786	Keoounkham	0	Tithong	8.4	7.8		6.2		7.5	7.9	6.2	5.8		6.9				6.9	6.3		7.8	8.1	7.4	7.9	8	8.9	7.2	8.4	7.6	8.1	5	7.1	7.8	9.1	8.1	8.8	6.2	7.4	7.9				
DIỆN SV KHÔNG ĐỦ ĐK THAM GIA TỐT NGHIỆP																																												
1	25602117771	Douangphachan	0	Linda	8.8	9		8.9		8.5	6.6	4.3	4.9		9.2				8.8	8.4		9.1	9.8	8.1	7.6	9.1	9.3	9.1	8.8	8.2	9.2	8	7.6	8.8	9.3	8.6	8.6	7.9	8.5	8.3				
2	25602317775	Phommachanh	0	Padthana	9.1	9.1		9.2		9.4	8	5.2	6.4		7.8				9.1	7.3		9.7	9.8	7.9	8.6	9.2	9.1	8.8	9.1	8.2	9.2	9.3	7.8	9.1	9.4	9.2	9.2	8.1	8.1	8.1				
3	25612317776	Phommachanh	0	Phimphaka	8.8	9.1		8.1		9.6	6.9	5	6.8		8.6				9	6.7		9.2	8.9	6.5	7.8	8.8	8.6	8.5	8.9	9.2	9.3	7.5	7.7	8.8	9.2	8.7	9.4	7.2	8.6	8				
4	25612317779	Koumphonphakdy	0	Thienxay	6.7	6.2		6.2		9.2	7.5	5	4.9		7.7				4.7	5.7		8.4	4.8	5.3	7.6	5.6	7	5.2	7.4	5.2	8	8.4	5.2	5.2	8.4	6.3	5.8	4.1	6.9	5.5				
5	25612317774	Namvongsak	0	Nhotsivanh	X	6.8		6.2		9.4	6.9	5.2	5.7		6.1				X	5.6		7.8	4.1	6.7	7.2	6.9	7.7	6.5	8.6	8.5	8.6	7	7.1	7.9	4.8	6.2	7.9	5.1	7.2	7.6				
6	25612317777	Suanbandith	0	Vankham	0	6.4		5.2				0			0				4.2	0		7.6	4.3	0	7.1	8.3	7	0	7.8	9	7	0	7.4	8.8	5		7.5	6.3	0					
7	25612317800	Sengkalao	0	Vixay	0	7.8		5.7							0				4.7	0		8.9	0	0	7	0	0	0	4.6	7.5	5.9	5.3	0	4.8	0	0		0	0	0				
8	25612217799	Thammatan	0	Vanhkham	0	5.5		5.5							0				0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
9	25612217803	Homsombath	0	Phouthasone	0	0		0							0				0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
10	25202316988	Chorlakoun	0	Soudavone	0	0		0							0				0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
11	25612317807	Senphimmachack	0	Thanakone	0	0		0							0				0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
12	25612217783	Souksengneua	0	Vonjai	0	0		0							0				0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												

LẬP BẢNG **NGƯỜI KIỂM TRA** **LÃNH ĐẠO KHOA** **PHÒNG ĐÀO TẠO** **KT. HIỆU TRƯỞNG**

Đàm Dương Phương Loan **ThS. Nguyễn Ân**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÀN KHÓA HỌC KHÓA K25HP-QTC NĂM 2019 - 2023

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (HP)

	Thông tin sinh viên				ĐẠI CƯƠNG NGÀNH																						CHUYÊN NGÀNH														Tổng tín chỉ hoàn thành	Tổng tín chỉ chưa hoàn thành	Tỉ lệ nợ			
					Kinh Tế											Tiếp Thị						Luật Pháp	Tài Chính & Ngân Hàng			Giải Pháp PBL	Kế Toán		(Chọn 1 trong 2)		(Chọn 1 trong 2		(Chọn 3 trong 5)					Giải Pháp PBL		Tài Chính						
					ECO 151	ECO 152	ECO 251	ECO 302	MGO 301	STA 151	STA 271	MGT 201	MGT 403	ACC 201	ACC 202	ACC 301	MKT 251	IS 251	IS 252	OB 251	HRM 301	FIN 301	LAW 403	FIN 271	FIN 272	FIN 302	FIN 296	ACC 302	ACC 303	FIN 380	LAW 362	BNK 404	BNK 405	FIN 383	FIN 401	FIN 406	FIN 424	FIN 473	FIN 396	FIN 496	FIN 400	FIN 402						
STT	Mã sinh viên	Họ	Tên Lót	Tên	3	3	2	2	3	3	2	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	1	2	3	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	3	1	1	2	3				Điểm 10	Điểm 4	Ghi chú
DIỆN SV VỚT ĐK THAM GIA KHÓA LUẬN TN																																																	
1	25612317786	Keoounkham	0	Tithong	4.5	6.9	5.5	4.4	4.4	4.8	4.8	6.1	6.7	5	7.5	5.3	4.2	5.6		6	8	6.6	8.3	5.2	6.1	6.6	9.1	X	5.9		6.2		5.5	4.3		X		5.8	7.3	8	X	7.3	122	6	5%	6.55	2.57	
DIỆN SV KHÔNG ĐỦ ĐK THAM GIA TỐT NGHIỆP																																																	
1	25602117771	Douangphachan	0	Linda	4.8	5.1	5.7	5.6	4	5	5.2	5.9	5.9	5.3	5.6	4	5.7	5.2		4.3	6.7	6.3	8.3	5.2	6	5.4	9.8	4.2			6.4		5.6			X	X	7.2	7.9	9.7	X	6.9	119	9	7%	6.71	2.62	
2	25602317775	Phommachanh	0	Padthana	6.6	7.7	6.3	5.6	8.1	4.7	4.6	6.3		5.6	7.3	6.5	5.4	6.2		5.3	8.1	7.1	7.4	5.4	6.5	6.2	9.8	4.3	6		6.8		5.5			X	X	6.1	7.9	9.7	X	4.8	119	9	7%	7.17	2.92	
3	25612317776	Phommachanh	0	Phimphaka	5.3	6.3	5.9	4.3	4.3	4.8	5.6	6.3		4.6	6.9	6.2	X	5.5		4.3	7.4	6.2	7.4	5.5	5	7	9.7	4.9	6		6.9		5.4			X	X	5.9	7.9	9.7	X	4.5	116	12	9%	6.69	2.61	
4	25612317779	Koumphonphakdy	0	Thienxay	6.6	4.9	6.4	5.5	4.6	4.8	5	6.5	8.1	4.7	6.7	5	5.1	5.9		5.4	7	6.4	7.3	5.7	5.2	X	9	4.5	X		5.3		5.6				X	5.9	7.9		X	7.2	115	13	10%	6.14	2.33	
5	25612317774	Namvongsak	0	Nhotsivanh	5	6.9	5.8	5.5	5.1	4.4	5.7	6.8		4.3	5.3	X	5.4	4.7		4.1	5.8	6.1	8.4	4.6	6	5.5	9.5	4.4			6.3		5			X	X	6.2	7.9	9.7	X	4.3	110	18	14%	5.85	2.14	
6	25612317777	Suanbandith	0	Vankham	0					0				0			0			0																								23	104	82%	3.17	1.16	
7	25612317800	Sengkalao	0	Vixay																																								15	112	88%	2.89	1.03	
8	25612217799	Thammatan	0	Vanhkham																																								4	123	97%	0.76	0.28	
9	25612217803	Homsombath	0	Phouthasone																																								0	125	100%	0	0	
10	25202316988	Chorlakoun	0	Soudavone																																								0	125	100%	0	0	
11	25612317807	Senphimmachack	0	Thanakone																																								0	125	100%	0.44	0	
12	25612217783	Souksengneua	0	Vonjai																																								0	125	100%	0	0	

LẬP BẢNG **NGƯỜI KIỂM TRA** **LÃNH ĐẠO KHOA** **PHÒNG ĐÀO TẠO** **KT. HIỆU TRƯỞNG**

Đàm Dương Phương Loan **ThS. Nguyễn Ân**